

Số: 455 /KH-UBND

Bắc Giang, ngày 05 tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021- 2025**

Căn cứ Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 của Quốc hội ngày 28/7/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày ngày 12/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về “Ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025”;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (Nghị định số 27/2022/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ- TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX nhiệm kỳ 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 32-KH/TU ngày 25/8/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, kỳ họp thứ 7 phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển 3 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang;

UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai, thực hiện kịp thời, đồng bộ các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và đến năm 2030.

Cụ thể hóa Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 (*sau đây gọi tắt là Chương trình*) phù hợp với đặc điểm, điều kiện kinh tế- xã hội của tỉnh và các huyện, thành phố để tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo, huy động nguồn lực thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, mục tiêu giảm nghèo nhanh, bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XIX của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, phối hợp thực hiện giữa các cấp, các ngành, các địa phương trong thực hiện các hoạt động, dự án, chính sách giảm nghèo.

- Từng địa phương phải xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm về giảm nghèo, huy động nguồn lực và các giải pháp để thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh, bền vững. Trong tổ chức thực hiện phải chủ động, linh hoạt, sáng tạo, có sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các sở, ngành, địa phương. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch và các hoạt động, dự án, chính sách về giảm nghèo.

- Lồng ghép nguồn lực từ các Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, Chương trình MTQG về nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, các kế hoạch, chính sách, dự án, hoạt động khác đang triển khai trên địa bàn để cùng thực hiện các mục tiêu về giảm nghèo.

- Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện giảm nghèo cụ thể, sát với tình hình thực tế để thực hiện thắng lợi các mục tiêu giảm nghèo đã đề ra.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, nhanh, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới; giảm dần khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin), nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các địa bàn nghèo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn. Chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội; đa dạng hóa sinh kế, phát triển sản xuất, giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, thu nhập tốt cho người nghèo, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế gắn với tiên bộ, công bằng xã hội, “*Không để ai bị bỏ lại phía sau*”.

2. Mục tiêu cụ thể

- Góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo cả tỉnh bình quân 1%/năm (riêng tỷ lệ hộ nghèo ở huyện nghèo Sơn Động giảm từ 4-5%/năm; xã đặc biệt khó khăn giảm bình quân 3,5% trở lên; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm) theo chuẩn nghèo đa chiều của quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Không còn hộ nghèo là gia đình người có công với cách mạng.

- Đến năm 2025 giảm từ 40%-50% các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn; giảm trên 50% các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

- Huyện Sơn Động thoát khỏi tình trạng huyện nghèo, đặc biệt khó khăn.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được

- Phần đầu giảm khoảng 35.000 hộ nghèo và hộ cận nghèo so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều của quốc gia;

- 100% các xã trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản;

- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng trên 80 dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động;

- Phần đầu 80% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập;

- Phân đầu hỗ trợ 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo có sức lao động và nhu cầu việc làm; có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững;

- Hỗ trợ 1.500 người lao động tham gia các khóa đào tạo nghề, nâng cao trình độ ngoại ngữ trước khi đi làm việc ở nước ngoài. Riêng huyện nghèo Sơn Động có khoảng 500 người lao động được hỗ trợ đào tạo; trong đó, đưa 320 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và có khoảng 80% hộ gia đình có người đi làm việc ở nước ngoài sẽ thoát nghèo;

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo.

- Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản:

+ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm;

+ 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại huyện nghèo Sơn Động;

+ 99% trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi;

+ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp;

+ 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động thuộc diện phải hỗ trợ nhà ở được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững;

+ 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh;

+ 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo Sơn Động được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản ấn phẩm, sản phẩm truyền thông.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên phạm vi toàn tỉnh; ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động;

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức dịch vụ việc làm, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Phạm vi thực hiện

Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh; ưu tiên nguồn lực của Chương trình thực hiện giảm nghèo tại huyện nghèo Sơn Động.

3. Thời gian thực hiện: Đến hết năm 2025.

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN

Triển khai thực hiện 07 dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (gồm 02 tiểu dự án)

1.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

a) Nội dung:

Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo Sơn Động (theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ) nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng liên kết vùng, thiết yếu, phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

b) Phân công thực hiện:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND huyện Sơn Động tổ chức thực hiện.

1.2. Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

a) Nội dung:

Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm một số công trình, cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội (công trình đầu tư cấp huyện, liên xã) nhằm tạo sự đột phá thúc đẩy hiệu quả phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập cho người dân theo Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025.

b) Phân công thực hiện:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND huyện Sơn Động tổ chức thực hiện.

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Nội dung

Triển khai các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo.

b) Phân công thực hiện:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện.

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (gồm 02 tiểu dự án)

3.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Nội dung

Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, nâng cao năng lực cho người dân trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa.

b) Phân công thực hiện:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Lao động- Thương binh và Xã hội, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện.

3.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Nội dung

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động.

b) Phân công thực hiện:

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện.

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (gồm 03 tiểu dự án)

4.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Nội dung: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn về quy mô và chất lượng đào tạo; hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người

dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

b) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện.

4.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Nội dung

Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững.

b) Phân công thực hiện:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện.

4.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Nội dung

Hỗ trợ việc làm bền vững, cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động cho người lao động.

b) Phân công thực hiện:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện.

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo

a) Nội dung

Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo có khó khăn về nhà ở trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ Xây dựng có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

b) Phân công thực hiện:

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Lao động- Thương binh và Xã hội, các sở, ngành liên quan, UBND huyện Sơn Động tổ chức thực hiện.

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (gồm 2 tiểu dự án)

6.1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) *Nội dung*: Giảm nghèo về thông tin hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Sơn Động sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin.

b) *Phân công thực hiện*: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Lao động- Thương binh và Xã hội, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện.

6.2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Nội dung

Truyền thông về giảm nghèo, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng.

b) Phân công thực hiện:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện.

7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (gồm 2 tiểu dự án)

7.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a) Nội dung

Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình, năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

b) Phân công thực hiện:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện.

7.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

a) Nội dung

Thiết lập quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình; đảm bảo Chương trình được thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

b) Phân công thực hiện:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện.

(Chi tiết phân bổ nguồn vốn Trung ương theo biểu 03)

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Từ nguồn kinh phí hỗ trợ của Trung ương, nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động khác; bao gồm:

1. Vốn ngân sách nhà nước thực hiện giai đoạn 2021-2025: 920.964 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 800.838 triệu đồng, trong đó:
 - + Vốn đầu tư phát triển: 359.481 triệu đồng.
 - + Vốn sự nghiệp: 441.357 triệu đồng.

- Ngân sách tỉnh (đối ứng 15%): 120.126 triệu đồng (đã bố trí 45.000 triệu đồng).

2. Nguồn vốn lồng ghép với các Chương trình, dự án, hoạt động khác trên địa bàn để cùng thực hiện các mục tiêu về giảm nghèo.

3. Nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội của Trung ương và địa phương.

4. Huy động nguồn lực xã hội hóa từ đóng góp của các cá nhân, tổ chức, đơn vị và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong công tác giảm nghèo

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong công tác giảm nghèo; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần "tương thân, tương ái" của Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đối với người nghèo. Động viên, hướng dẫn người nghèo, hộ nghèo về kiến thức trong lao động, sản xuất, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình, các cơ sở truyền thanh, truyền hình, hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo tới Nhân dân và các cấp chính quyền, nhất là ở cơ sở; kịp thời giới thiệu, tuyên dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.

- Tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh, nâng cao chất lượng phong trào thi đua "*Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau*", khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên "thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no" của người dân và cộng đồng, phấn đấu "*Vì một Việt Nam không còn đói nghèo*".

2. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác giảm nghèo

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện công tác giảm nghèo bền vững; nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành, đơn vị có liên quan trực tiếp, nhất là trách nhiệm người đứng đầu trong việc

triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, dự án, hoạt động về giảm nghèo trên địa bàn, trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

- Xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp về giảm nghèo trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, 5 năm (giai đoạn 2021 – 2025) của các cấp, các ngành, địa phương trong tỉnh.

- Nâng cao năng lực và tăng cường trách nhiệm cho lãnh đạo và cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp, nhất là ở cấp xã, đây là yếu tố quan trọng để thực hiện hiệu quả mục tiêu của kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2021-2025.

3. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, kế hoạch, dự án, hoạt động về giảm nghèo

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ có điều kiện, giảm hỗ trợ cho không, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân như chính sách hỗ trợ học phí, hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế, các chính sách tín dụng xã hội, chính sách hỗ trợ tiền điện, hỗ trợ về nhà ở, nước sạch hợp vệ sinh...

- Thực hiện đầy đủ chính sách trợ giúp xã hội đối với hộ nghèo không có khả năng lao động, hộ nghèo có đối tượng người có công với cách mạng, hộ nghèo dân tộc thiểu số; khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, phát triển đa dạng các mô hình sản xuất có sự tham gia của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với người nghèo, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi.

- Đẩy mạnh thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội kết nối vùng, tăng cường kết nối vùng đã phát triển với vùng khó khăn; chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư ở những địa bàn khó khăn; chính sách phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo gắn với quốc phòng - an ninh.

- Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo. Tăng cường chính sách, giải pháp hỗ trợ đào tạo nghề gắn với tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người nghèo, nhất là phụ nữ, người khuyết tật nghèo. Đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài ở các địa bàn đặc biệt khó khăn.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi dành cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác. Thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi và hình thức cho vay, mức cho vay, thời hạn cho vay phù hợp với mục tiêu giảm nghèo bền vững; gắn hoạt động tín dụng ưu đãi với các dự án sản xuất kinh doanh, tạo sinh kế, việc làm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Hỗ trợ cho học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục, nâng cao tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi. Tập trung cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ

nghèo, hộ cận nghèo, hộ đang sinh sống tại địa bàn đặc biệt khó khăn, hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

- Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, kết hợp linh hoạt giữa các chính sách cho vay ưu đãi hỗ trợ của Nhà nước và nguồn lực xã hội hóa của cộng đồng để các hộ tự cải tạo, sửa chữa nhà ở, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm nghèo bền vững.

- Đẩy mạnh hỗ trợ đầu tư bằng nhiều hình thức để hộ nghèo, hộ cận nghèo được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, tiếp cận thông tin, hỗ trợ pháp lý, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, người dân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Hướng dẫn các xã, phường, thị trấn xây dựng mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ tự quản, hộ gia đình thoát nghèo, sản xuất giỏi, làm kinh tế giỏi tiêu biểu; xây dựng, nhân rộng các mô hình tốt, sáng kiến hay về giảm nghèo bền vững.

4. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo

- Bố trí ưu tiên đủ nguồn lực thực hiện các chính sách đối với người nghèo, hộ nghèo; nguồn lực thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; kết hợp lồng ghép Kế hoạch giảm nghèo của tỉnh với Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; thúc đẩy việc huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực lồng ghép khác trong nước và quốc tế cho công tác giảm nghèo bền vững.

- Tập trung đầu tư cho huyện nghèo Sơn Động và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thành lập mới, cơ sở giáo dục nghề nghiệp mới sáp nhập, Trung tâm GDNN-GDTX còn yếu kém về cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo.

- Tăng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội dành cho vay vốn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn khác.

- Tổ chức thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động, khuyến khích các doanh nghiệp giúp đỡ các xã đặc biệt khó khăn, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao; vận động các tổ chức, cá nhân và hộ khá giả giúp đỡ hộ nghèo theo địa chỉ.

- Tăng cường và thực hiện nghiêm cơ chế kiểm tra, giám sát các chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách, hoạt động, dự án về giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

5. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giảm nghèo

- Thành lập Tổ công tác về Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang do Giám đốc Sở Lao động- Thương binh và Xã hội làm tổ trưởng và một số cán bộ chuyên môn của các ngành chức năng có liên quan làm tổ viên để giúp Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh chỉ đạo, quản lý, điều phối, tổ chức các hoạt động thực hiện hiệu quả

Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Chỉ đạo UBND cấp huyện, cấp xã kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý thực hiện Chương trình ở cấp mình để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, điều phối các hoạt động về giảm nghèo trên địa bàn; tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành trong thực hiện công tác giảm nghèo.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; quản lý thống nhất về công tác giảm nghèo, tăng cường cung cấp các thông tin liên quan về kinh tế- xã hội, giúp người nghèo kết nối với thị trường lao động, thị trường hàng hoá để đầu tư sản xuất, kinh doanh, sinh kế hiệu quả.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công nhiệm vụ

1.1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan chủ trì quản lý Chương trình; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình theo quy định.

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Chủ trì xây dựng phương án giao chỉ tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo giai đoạn 2021 – 2025 và hằng năm cho các huyện, thành phố trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các huyện, thành phố; tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội theo quy định.

1.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì thẩm định, thẩm tra việc phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Chương trình vào kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch hằng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương cho Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Phối hợp với các sở, ngành chủ trì các dự án kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các huyện, thành phố.

1.3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch hằng năm, tổng hợp kinh phí chi sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương để đảm bảo hoạt động của Chương trình.

- Cân đối, bố trí đủ vốn sự nghiệp và có kế hoạch bổ sung vốn đối ứng cho Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Chủ trì hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

- Phối hợp với các sở, ngành chủ trì các dự án kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các huyện, thành phố.

1.4. Các sở, ngành chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình (theo phụ lục đính kèm)

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện; tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm giao cho các địa phương thực hiện đối với dự án, tiểu dự án được giao chủ trì.

- Lập kế hoạch vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm để triển khai các hoạt động phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình, gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định.

- Rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án, đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các địa phương.

- Hướng dẫn các địa phương triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nội dung dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình được phân công chủ trì.

- Xây dựng và hướng dẫn cơ chế huy động nguồn lực để thực hiện nội dung của các dự án, tiểu dự án thành phần được giao chủ trì thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung các dự án, tiểu dự án thành phần được phân công chủ trì, gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

1.5. Các Sở, ngành tham gia thực hiện Chương trình

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, triển khai thực hiện các hoạt động, dự án, chính sách có liên quan để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo đạt hiệu quả.

- Nghiên cứu, lồng ghép thực hiện Chương trình với các chương trình, dự án, đề án khác được giao đang triển khai thực hiện trên địa bàn bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo.

1.6. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 và hằng năm của huyện, thành phố; chú trọng các giải pháp, biện pháp hỗ trợ giảm nghèo bao trùm, đồng bộ, cụ thể cho từng nhóm đối tượng (nhất là nhóm hộ nghèo thuộc chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo không có khả năng lao động và hộ nghèo dân tộc thiểu số), nhu cầu cần hỗ trợ của từng hộ để có kế hoạch hỗ trợ thoát nghèo cụ thể, sát thực, hiệu quả. Thời gian hoàn thành trong quý III/2022.

- Tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả các dự án, chính sách, hoạt động về giảm nghèo trên địa bàn; từng bước nâng cao điều kiện sống của người nghèo, ưu tiên nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng, hộ nghèo dân tộc thiểu số, trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Chủ động cân đối ngân sách địa phương để thực hiện Kế hoạch giảm nghèo. Huy động thêm các nguồn lực khác kết hợp với “Quỹ vì người nghèo”, Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ, mục tiêu Kế hoạch giảm nghèo trên địa bàn.

- Tổ chức đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

* *UBND huyện Sơn Động*: Ngoài thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, chủ động xây dựng Đề án đến năm 2025 đưa huyện Sơn Động thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn trình UBND tỉnh phê duyệt theo đúng tiến độ và hướng dẫn của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội.

1.7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể của tỉnh

- Chỉ đạo MTTQ và các tổ chức thành viên các cấp đổi mới công tác tuyên truyền, phối hợp nâng cao phong trào thi đua “*Bắc Giang chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại ở phía sau*”; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động xây dựng Quỹ “*Vì người nghèo*” và chương trình an sinh xã hội. Tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh, người Bắc Giang ở trong và ngoài nước tham gia ủng hộ “*Quỹ đền ơn đáp nghĩa*”.

- Tổ chức giám sát chặt chẽ các mục tiêu, nội dung trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác báo cáo

Định kỳ, 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất (khi cần thiết) các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch này đến Sở Lao động- Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 tỉnh Bắc Giang, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố nghiêm túc triển khai tổ chức thực hiện. Quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc phản ánh đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động- TB&XH(B/cáo);
- VPQG Giảm nghèo Trung ương;
- TT Tỉnh uỷ; TT HĐND tỉnh (b/cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các Đoàn thể nhân dân;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP; TH; KTTH;
- + Lưu: VT; KGVX Thảo.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Sơn

BIỂU 01. KẾ HOẠCH GIẢM NGHÈO TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2021-2025*(Kèm theo Kế hoạch số 455/KH-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

TT	Khu vực/Địa bàn	Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
		Tổng số hộ dân cư	Hộ nghèo		Tổng số hộ dân cư	Hộ nghèo		Tổng số hộ dân cư	Hộ nghèo		Tổng số hộ dân cư	Hộ nghèo	
			Số hộ	Tỷ lệ		Số hộ	Tỷ lệ		Số hộ	Tỷ lệ		Số hộ	Tỷ lệ
1	Thành phố Bắc Giang	44.479	196	0,44	45.120	160	0,36	45.761	130	0,28	46.402	110	0,24
2	Việt Yên	49.431	990	2,00	49.921	690	1,40	50.410	410	0,81	50.900	180	0,35
3	Yên Dũng	40.658	960	2,36	41.060	650	1,60	41.463	390	0,94	41.865	160	0,38
4	Lạng Giang	58.208	1.995	3,43	58.785	1.395	2,40	59.361	805	1,36	59.937	315	0,53
5	Yên Thế	30.833	1.200	3,89	31.139	875	2,84	31.444	555	1,77	31.749	275	0,87
6	Tân Yên	50.610	1.960	3,87	51.024	1.360	2,69	51.438	780	1,52	51.852	270	0,52
7	Hiệp Hòa	58.666	2.410	4,11	59.247	1.640	2,80	59.828	890	1,49	60.408	350	0,58
8	Lục Nam	61.200	2.670	4,36	61.709	1.860	3,04	62.218	1.070	1,72	62.727	570	0,91
9	Lục Ngạn	57.000	2.950	5,18	57.332	2.110	3,70	57.664	1.270	2,20	57.996	580	1,00
10	Sơn Động	21.016	4.500	21,41	21.330	3.410	16,23	21.644	2.440	11,27	21.958	1.540	7,01
	Tổng cộng	472.101	19.831	4,20	476.666	14.150	3,00	481.230	8.740	1,82	485.795	4.350	0,90

BIỂU 02. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN**Các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025***(Kèm theo Kế hoạch số 455/KH-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

TT	Tên dự án, tiểu dự án	Cơ quan chủ trì dự án, tiểu dự án	Nội dung thực hiện dự án, tiểu dự án	Cơ quan phối hợp thực hiện dự án, tiểu dự án	Ghi chú
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo				
1.1	<i>Tiểu dự án 1:</i> Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo		Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội		
1.2	<i>Tiểu dự án 2:</i> Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	Sở Lao động-TB&XH	Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm một số công trình, cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND huyện Sơn Động	
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	Sở Lao động-TB&XH	Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo.	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng				
3.1	<i>Tiểu dự án 1:</i> Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	Sở Nông nghiệp & PTNT	Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	
3.2	<i>Tiểu dự án 2:</i> Cải thiện dinh dưỡng	Sở Y Tế	Hỗ trợ cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 16 tuổi, phụ nữ mang thai và cho con bú.	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	

TT	Tên dự án, tiểu dự án	Cơ quan chủ trì dự án, tiểu dự án	Nội dung thực hiện dự án, tiểu dự án	Cơ quan phối hợp thực hiện dự án, tiểu dự án	Ghi chú
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững				
4.1	<i>Tiểu dự án 1:</i> Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	Sở Lao động-TB&XH	Hỗ trợ phát triển giáo dục nghề nghiệp, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	
4.2	<i>Tiểu dự án 2:</i> Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		Hỗ trợ hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	
4.3	<i>Tiểu dự án 3:</i> Hỗ trợ việc làm bền vững		Hỗ trợ thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, , hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc huyện nghèo	Sở Xây dựng	Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo	Các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan, UBND huyện Sơn Động	
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin				
6.1	<i>Tiểu Dự án 1:</i> Giảm nghèo về thông tin	Sở Thông tin & TT	Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố	
6.2	<i>Tiểu Dự án 2:</i> Tuyên truyền về giảm nghèo	Sở Lao động - TB&XH	Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố	

TT	Tên dự án, tiểu dự án	Cơ quan chủ trì dự án, tiểu dự án	Nội dung thực hiện dự án, tiểu dự án	Cơ quan phối hợp thực hiện dự án, tiểu dự án	Ghi chú
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình				
7.1	<i>Tiểu Dự án 1:</i> Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	Sở Lao động – TB&XH	Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói..	Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố	
7.2	<i>Tiểu dự án 2:</i> Giám sát, đánh giá		Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật		

BIỂU 03: KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Kế hoạch số 455/KH-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên dự án, tiểu dự án	Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025	Trong đó:			
			Ngân sách TW			Ngân sách tỉnh
			Tổng số	Trong đó		
				Vốn ĐTPT	Vốn SN	
	Tổng số	920.964	800.838	359.481	441.357	120.126
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo	289.371	289.371	270.337	19.034	
1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	209.371	209.371	190.337	19.034	
2	Tiểu dự án 2. Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	80.000	80.000	80.000		
II	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	133.652	133.652	-	133.652	
III	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	75.670	75.670	-	75.670	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	57.833	57.833	-	57.833	
2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	17.837	17.837	-	17.837	

IV	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	240.367	240.367	89.144	151.223	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	191.563	191.563	74.136	117.427	
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	2.409	2.409	-	2.409	
3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	46.395	46.395	15.008	31.387	
V	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc huyện nghèo	10.340	10.340	-	10.340	
VI	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	14.595	14.595	-	14.595	
1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	6.100	6.100		6.100	
2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo	8.495	8.495		8.495	
VII	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	36.843	36.843	-	36.843	
1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực	24.068	24.068		24.068	
2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	12.775	12.775		12.775	

BIỂU 04: DỰ KIẾN DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 455/KH-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	NĂng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Kế hoạch vốn ĐTPT giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó		
							Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số					324.481	279.481	45.000	
I	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo					218.337	190.337	28.000	
1	Cải tạo nâng cấp đường Vĩnh An - Vân Sơn, huyện Sơn Động	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	Xã Vĩnh An - Vân Sơn	Đường Asphalt dài khoảng 12km (đường giao thông nông thôn cấp IV miền núi)	2022-2024	58.351	58.351		
2	Đường bê tông thôn Đồng Mương đi thôn Đồng Băm, xã Phúc Sơn kết nối với xã Vân Sơn, huyện Sơn Động		Xã Phúc Sơn	Đường BTXM dài khoảng 7,6km (đường giao thông nông thôn cấp IV miền núi)	2022-2024	42.180	42.180		
3	Nâng cấp đường xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động đi xã Đèo Gia, huyện Lục Ngạn		Xã Tuấn Đạo	Đường BTXM dài khoảng 3,5km (đường giao thông nông thôn cấp IV miền núi)	2022-2024	47.360	47.360		
4	Xây mới Trạm y tế xã Yên Định		Xã Yên Định	Nhà trạm chính, nhà bếp, nhà ăn khoảng 900m ² và các hạng mục phụ trợ khác	2023-2025	11.026	11.026		
5	Xây mới Trạm y tế xã An Lạc		Xã An Lạc	Xây dựng nhà 2 tầng với tổng diện tích sàn khoảng 700m ² và các hạng mục phụ trợ khác	2023-2025	9.590	9.590		
6	Xây mới Trạm y tế xã Thanh Luận		Xã Thanh Luận	Nhà trạm chính khoảng 900m ² và các hạng mục phụ trợ.	2024-2025	10.952	10.952		
7	Xây mới Trạm y tế xã Hữu Sản		xã Hữu Sản	Nhà trạm chính khoảng 900m ² và các hạng mục phụ trợ	2024-2025	10.878	10.878		

II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững					106.144	89.144	17.000	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn					91.136	74.136	17.000	
1.1	Xây dựng Trường Cao đẳng miền núi Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXDCT DDCN	Thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế	Bồi thường giải phóng mặt bằng; xây dựng mới: Khoa cơ bản, Khoa nghề hệ trung cấp, Khoa nghề hệ trung cấp kết hợp cao đẳng, Khôi nhà hành chính và phục vụ học tập, Nhà ký túc xá kết hợp nhà ăn, Nhà đa năng, và các hạng mục phụ trợ ...	2022-2025	81.136	64.136	17.000	
1.2	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự					10.000	10.000		
-	Cải tạo nâng cấp khu Ký túc xá sinh viên	Trường CĐ Ngô Gia Tự	xã Quế Nham huyện Tân Yên; TP Bắc Giang	Sửa chữa nâng cấp khu vệ sinh, thay thế hệ thống cửa, sơn tường, lát nền...	2023-2025	4.000	4.000		
-	Cải tạo sửa chữa khu giảng đường			Sửa chữa đường điện, hệ thống quạt, thông gió, trần...	2023-2025	1.000	1.000		
-	Mua sắm Trang thiết thực hành			Mua máy móc, thiết bị phục vụ thực hành đào tạo các chuyên ngành Y-Dược	2023-2025	5.000	5.000		
2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững					15.008	15.008		
-	Xây dựng mới Website, nâng cấp thường xuyên	Trung tâm DVVL tỉnh Bắc Giang	TP Bắc Giang	Cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Bắc Giang	2022-2024	3.849	3.849		
-	Mua sắm trang thiết bị tổ chức sàn giao dịch việc làm				2022-2024	3.999	3.999		
-	Xây dựng Sàn trực tuyến kết nối doanh nghiệp và người lao động				2022-2024	3.640	3.640		
-	Nâng cấp cơ sở hạ tầng đáp ứng các hoạt động sàn giao dịch việc làm				2022-2024	3.520	3.520		